

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày: 03 – 6 -2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Thanh Huyền.

Ông Huỳnh Chí Trình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Võ Tuấn T** - sinh ngày 03 tháng 5 năm 2001 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Khóm 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Khởi E và bà Tống Thị R; bị cáo chưa có vợ; tiền án: không.

Tiền sự:

+ Ngày 29/5/2019 bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 750.000đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 30/9/2019 bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 15/10/2019 bị Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 1.000.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 18/01/2020 bị UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Lương Thành T** - sinh ngày 24 tháng 3 năm 2000 tại huyện Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không;

Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Thành T và bà Bùi Thị O; bị cáo chưa có vợ; tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 30/9/2019 bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Lê Thị C – sinh năm: 1963 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Tuấn T và Lương Thành T là bạn đi chơi và thường xuyên sử dụng ma túy chung với nhau.

Vào khoảng 17 giờ ngày 24/3/2020, T điều khiển xe mô tô Dream biển số 63X1-2024 (T mượn của Lê Minh T để làm phương tiện đi lại) đến nhà của T. T điều khiển xe chở Tới đến quán nước gần trường học Nguyễn Chí T để sử dụng ma túy. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T chở T đến cổng mười cửa thuộc xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh để tìm bạn nhưng không gặp. Sau đó, cả hai ngồi chơi trên cổng mười cửa đến 20 giờ thì T chở T đến nhà của bà Lê Thị C để tìm Nguyễn Thanh S (con của bà C) nhưng không gặp. T tiếp tục chở T đến khu vực cổng bảy cửa thuộc ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh chơi. Lúc đến nhà bà C, T để ý thấy có chiếc xe mô tô biển số 51P6-8170 đang dựng ở nhà sau dễ đột nhập nên T bàn bạc với T lấy trộm xe làm phương tiện đi lại, T đồng ý.

Đến khoảng 02 giờ ngày 25/3/2020, T điều khiển xe mô tô chở T đi trên đường tỉnh lộ 907 đến đầu đường vào nhà bà C thì xe hết xăng nên T kêu T ngồi ngoài đợi. T đi bộ vào nhà bà C đến cửa nhà sau dùng tay đẩy mở cửa đi vào dẫn xe mô tô 51P6-8170 ra ngoài. T không thấy chìa khóa trên ổ khóa xe nên dùng cây vít mang theo tháo miếng ốp nhựa mặt trước định bứt dây điện mở khóa xe thì nhìn lấy chìa khóa có sẵn trên бага xe. Sau đó, T mở khóa xe chạy ra đường lộ 907 rồi cùng Tới mỗi người điều khiển một chiếc xe đi về nhà T. Trên đường đi, T tháo bửng chắn gió và kính chiếu hậu của xe mô tô 51P6-8170 vứt bỏ ven đường tỉnh lộ 907. Đến nhà T tại thị trấn C, cả hai tháo biển số xe vừa trộm được rồi lắp biển số xe 72N3-0642 (do T nhặt được trước đó) vào sử dụng.

Tại kết luận định giá tài sản số 31/TTHS ngày 26/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vũng Liêm kết luận: chiếc xe mô tô biển số 51P6-8170 có giá trị thành tiền là 3.225.000đồng.

Đối với xe mô tô 51P6-8170 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu hồi và trả lại cho bà Lê Thị C. Anh Lê Minh T không biết việc T chở Tới đi trộm cắp tài sản nên Công an huyện V đã trả lại xe mô tô 63X1-2024 cho anh T.

Đối với cây vít T dùng mở ốp nhựa là do T đưa T nhưng T đã vứt bỏ mất, cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với biển số xe 72N3-0642 T khai nhận đã nhặt được trong bãi rác thuộc xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Qua tra cứu biển số xe trên không có trong

cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng toàn quốc nên Công an huyện V tạm giữ để giải quyết.

Bản cáo trạng số: 48/CT-VKSHVL ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm truy tố các bị cáo Võ Tuấn T và Lương Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ Tuấn T và Lương Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

1. Đối với bị cáo Võ Tuấn T

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h, i, s Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Đối với bị cáo Lương Thành T

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h,i,s Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Giao biển số xe 72N3-0642 cho Công an huyện Vũng Liêm tạm giữ để giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí hình sự: Đề nghị buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo Võ Tuấn T và Lương Thành T: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo trình bày vào ngày 25/3/2020 đã có hành vi lén lút lấy trộm của bị hại 01 (một) xe mô tô biển số 51P6-8170 có giá trị thành tiền 3.225.000đồng.

[3] Lời trình bày và khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do

đó, có đủ cơ sở khách quan kết luận các bị cáo Võ Tuấn T và Lương Thành T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm một cách trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại để sử dụng. Các bị cáo có tiền sự nhưng không có ý thức ăn năn lại tiếp tục phạm tội trộm cắp. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên xét xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án bị cáo T là người đề xuất, bị cáo T giúp sức. Do đó, hình phạt của bị cáo Thanh phải cao hơn so với bị cáo T là phù hợp.

[5] Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp. Do hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Lê Thị C đã nhận lại xe mô tô 51P6-8170 bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Giao biên số xe 72N3-0642 cho Công an huyện V tạm giữ để giải quyết theo thẩm quyền.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Tuấn T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự; bị cáo Lương Thành T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Võ Tuấn T và Lương Thành T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Đối với bị cáo Võ Tuấn T:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Tuấn T: 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/3/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Võ Tuấn T.

2. Đối với bị cáo Lương Thành T:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Thành T: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lương Thành T.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

* Về vật chứng: Giao biển số xe 72N3-0642 cho Công an huyện V tạm giữ để giải quyết theo thẩm quyền.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Võ Tuấn T.

Buộc bị cáo Lương Thành T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiếu

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, n
ếu
các
bị cáo chưa thanh toán số
tiền nêu trên, thì hàng tháng chịu thêm lãi suất
theo
Điều
357
, khoản 2 Điều 468
của Bộ luật Dân sự năm 2015.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA